

Số: 03/2024/QĐST-VLĐ

Châu Thành, ngày 15 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Trần Phạm Vân Trang.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên họp:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 12/2024/TLST-VDS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 03/2024/QĐST-LĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Trần Thị Kim Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: B, ấp B, xã L, thành phố T, tỉnh Long An; Số điện thoại: 0364.389.391 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty TNHH T2; Địa chỉ: Lô A, AI-1, AVI, AVII, KII-1, KCN T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đại diện theo pháp luật: ông Lee Min H. Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Bé H1, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3/ B1; Địa chỉ: Số F C, quận N, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

\* Theo đơn yêu cầu đề ngày 08/8/2024, chị Trần Thị Kim Q trình bày: Chị là người lao động có đóng tiền bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 8009023705. Đến ngày 13/6/2024 chị nghỉ làm và chấm dứt việc đóng bảo hiểm xã hội. Sau đó chị liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang để làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần thì được biết trước đây vào tháng 11/2011 chị có cho chị Nguyễn Thị Bé H1 là chỗ quen biết (do chị B H1 chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động) mượn chứng minh nhân dân số 301436426 để làm hồ sơ xin việc và giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 đóng bảo hiểm xã hội với số sổ 82110280058. Nên hiện nay chị đứng tên trên 02 sổ bảo hiểm là 8009023705, 82110280058 và có khoảng thời gian đóng bảo

hiểm xã hội trùng nhau từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2012. Do đó, chị không thể rút tiền bảo hiểm xã hội.

Nay chị Q yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH T2 với người lao động là Trần Thị Kim Q (do chị Nguyễn Thị Bé H1) giao kết vào ngày 25/11/2011 số hợp đồng 01101766/2 là vô hiệu, để chị được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội điều chỉnh thông tin về nhân thân trên các sổ bảo hiểm xã hội theo qui định của pháp luật.

\* Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé H1 trình bày: Do chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên vào tháng 11/2011 chị có mượn chứng minh nhân dân số 301436426 của chị Trần Thị Kim Q để làm hồ sơ xin việc và giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Chị có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được công ty đóng bảo hiểm xã hội với số sổ 82110280058, nhưng do chị tự ý nghỉ việc nên không có nhận được sổ bảo hiểm xã hội, quyết định nghỉ việc cũng như các chế độ, trợ cấp từ cơ quan bảo hiểm xã hội. Chị cũng không có yêu cầu gì về số tiền bảo hiểm xã hội đã đóng. Hiện nay chị Q đứng tên 02 sổ bảo hiểm xã hội và có khoảng thời gian đóng bảo hiểm xã hội trùng nhau từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2012. Nay chị thống nhất với yêu cầu của chị Trần Thị Kim Q về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng 01101766/2 ngày 25/11/2011 giữa Công ty TNHH T2 với người lao động là Trần Thị Kim Q nhưng do chị ký kết vô hiệu toàn bộ, để chị được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội điều chỉnh thông tin về nhân thân theo qui định của pháp luật.

\* Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T2 chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Ngày 25/11/2011 Công ty TNHH T2 có ký hợp đồng lao động với người lao động Trần Thị Kim Q, sinh ngày 28/5/1991, số hợp đồng 01101756/2, hợp đồng một năm, do chị Nguyễn Thị Bé H1 ký kết. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động. Việc chị Q cho chị bé H1 mượn chứng minh nhân dân số 301436426 để ký kết hợp đồng lao động thì Công ty không biết. Người lao động (chị Bé H1) đã tham gia bảo hiểm từ tháng 12/2011 đến ngày 22/9/2012 thì chị Bé H1 tự ý nghỉ việc. Đối với hợp đồng 01101756/2 do thời gian đã lâu nên hiện nay Công ty không còn lưu giữ. Đối với yêu cầu của chị Q thì Công ty TNHH T2 không có ý kiến, yêu cầu gì và thống nhất việc Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định của pháp luật.

\* Theo Công văn số 1699/BHXXH-TST ngày 28/10/2024 Bảo hiểm xã hội tỉnh T có ý kiến đối với trường hợp người lao động bà Trần Thị Kim Q: Qua kiểm tra, đối chiếu với dữ liệu trên phần mềm Quản lý T1 - Sổ, Thẻ chị Trần Thị Kim Q, mã số 8211028058 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T2 từ tháng 12/2011 đến tháng 09/2012, tổng thời gian là 00 năm 10 tháng. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXXH ngày 31/5/2022 của Bộ L về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động, trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực”, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Tòa án nhân dân có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động quy định: “Các vấn đề khác liên quan đến việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao

động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự”.

Căn cứ hướng dẫn trên, Bảo hiểm xã hội tỉnh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét tuyên bố nội dung liên quan việc tham gia Bảo hiểm xã hội đối với người lao động sau khi hợp đồng lao động được tuyên bố vô hiệu như sau: “Điều chỉnh thông tin sổ Bảo hiểm xã hội số 8211028058 cấp cho bà Trần Thị Kim Q do Công ty TNHH T2 trích nộp từ tháng 11/2011 đến tháng 09/2012 thành tên bà Nguyễn Thị Bé H1”. Cơ quan Bảo hiểm xã hội căn cứ kết quả giải quyết của Tòa để thực hiện các nội dung liên quan, làm căn cứ giải quyết hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội khi người lao động đủ điều kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký, Thành phần giải quyết việc lao động đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu chị Trần Thị Kim Q tuyên bố hợp đồng lao động số 01101766/2 ngày 25/11/2011 giữa Công ty TNHH T3 với người lao động là Trần Thị Kim Q vô hiệu toàn bộ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Kim Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó Tòa án xác định đây là việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH T2 có trụ sở tại khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người liên quan đến yêu cầu B1 vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết việc dân sự vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung yêu cầu của chị Q, xét thấy: Chị Nguyễn Thị Bé H1 sử dụng thông tin cá nhân của chị Trần Thị Kim Q (mượn chứng minh nhân dân) để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 là hành vi lừa dối về chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007.

[2.1] Quá trình tố tụng, Bảo hiểm xã hội tỉnh T và chị Q cung cấp thông tin chị Trần Thị Kim Q tham gia bảo hiểm xã hội với 02 mã số bảo hiểm xã hội gồm: Mã bảo hiểm xã hội số 8009023705 có thời gian làm việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc liên tục với nhiều chức danh công việc, làm việc tại nhiều công ty khác nhau, bắt đầu đóng từ tháng 7/2012. Tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đến hết tháng 5/2024 do bảo hiểm xã hội tỉnh huyện Châu thành xác nhận sổ bảo hiểm xã hội là 12 năm 4 tháng. Tại mã số bảo hiểm xã hội 8211028058, tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc chốt sổ đến hết tháng 9/2012 do bảo hiểm xã hội tỉnh T xác nhận sổ bảo hiểm xã hội là

10 tháng, thời gian đóng bảo hiểm của mã số này trùng với mã bảo hiểm xã hội số 8009023705 từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2012.

[2.2] Do đó, chị Q yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số 01101766/2 ký kết ngày ngày 25/11/2011 giữa Công ty TNHH T2 với người lao động Trần Thị Kim Q (do chị Nguyễn Thị Bé H1 mượn giấy chứng minh nhân dân và thực tế làm việc) vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3] Tại phiên họp chị Bé H1 cũng thừa nhận đối với số mã bảo hiểm xã hội 8211028058 thì do chị tự ý nghỉ việc nên chị chưa nhận chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ trợ cấp có liên quan. Chị cũng không có yêu cầu gì về số tiền bảo hiểm xã hội đã đóng. Chị thống nhất với yêu cầu của chị Q về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số 01101766/2 ký kết ngày ngày 25/11/2011 giữa Công ty TNHH T2 với người lao động Trần Thị Kim Q (do chị Nguyễn Thị Bé H1 mượn giấy chứng minh nhân dân và thực tế làm việc) vô hiệu, để chị được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục để điều chỉnh lại thông tin về nhân thân theo qui định của pháp luật.

[4] Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T2 không có ý kiến, yêu cầu gì khác và thống nhất việc Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định của pháp luật.

[5] Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Tòa án chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về lệ phí: Chị Trần Thị Kim Q phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 33, Điều 35; Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 13, Điều 18, Điều 21, Điều 49 Bộ luật Lao động;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim Q.**

Tuyên bố hợp đồng lao động số 01101766/2 ngày 25/11/2011 được ký giữa Công ty TNHH T2 và chị Trần Thị Kim Q là vô hiệu toàn bộ.

Chị Trần Thị Kim Q và chị Nguyễn Thị Bé H1 được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để điều chỉnh lại thông tin về nhân thân trong hồ sơ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

**2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động:** Chị Trần Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động. Chị Q đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0011910 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như chị đã thi hành xong.

**3.** Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trần Phạm Vân Trang**